

* KT-ĐG phải tác động tích cực vào người học, đòi hỏi phải xem xét theo hướng phát triển của người học, do đó cần KT-ĐG cả quá trình học tập trên cơ sở xem xét kết quả từng khâu, từng giai đoạn học tập của học viên.

* Giảng viên phải biết trân trọng những cố gắng, đánh giá cao những nỗ lực, thành tích của học viên, đồng thời uốn nắn, sửa chữa những sai sót, hạn chế của họ và mở ra triển vọng và hướng phát triển.

2. Những giải pháp đổi mới kiểm tra - đánh giá dạy học ở các trường cán bộ quản lí GD - ĐT.

a. Tiếp tục nâng cao nhận thức đúng đắn cho các nhà quản lí, giảng viên, học viên về đổi mới KT-ĐG dạy học

- Quán triệt sâu sắc chủ trương, biện pháp đổi mới phương pháp dạy học nói chung và phương pháp KT-ĐG nói riêng, những quy định có tính pháp quy về KT-ĐG của Nhà nước, của Bộ Giáo dục và Đào tạo đến các nhà quản lí, giảng viên và học viên:

+ Tổ chức và chỉ đạo nghiên cứu các văn bản về KT-ĐG và đổi mới KT-ĐG.

+ Tổ chức báo cáo khoa học, các hội thảo về đổi mới KT-ĐG cho các nhà quản lí, giảng viên, học viên để nhận thức rõ vị trí, vai trò của KT-ĐG, nắm vững phương pháp, kĩ thuật và hình thức tổ chức KT-ĐG phù hợp.

+ Phải xây dựng quy chế KT-ĐG ổn định, thống nhất, tạo hành lang pháp lí cho giảng viên, học viên hiểu và thực hiện KT-ĐG dạy học một cách khách quan và thống nhất.

- Người quản lí, giảng viên phải nhận thức đúng mục đích, vị trí, vai trò của KT-ĐG dạy học: KT-ĐG vừa là mục đích, vừa là động lực thúc đẩy việc nâng cao chất lượng dạy học. Muốn thế, cần:

+ Nắm chắc nội dung chương trình dạy học

+ Xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện kế hoạch KT-ĐG phù hợp

+ Thiết lập (xây dựng) các chuẩn, thang đánh giá

+ Xác định các hình thức KT-ĐG thích hợp

+ Phân tích kết quả, khuyến khích động viên, uốn nắn lệch lạc hoặc xử lí cần thiết.

b. Coi trọng vai trò chủ thể chủ động tích cực của học viên trong quá trình KT-ĐG dạy học

- Phát huy vai trò chủ thể chủ động tích cực của học viên trong KT-ĐG, song giảng viên vẫn giữ vai trò chủ đạo thông qua tự đánh giá của học viên để điều chỉnh quá trình dạy học có hiệu quả.

- Hướng dẫn học viên phát triển năng lực tự đánh giá để điều chỉnh cách học.

- Giảng viên tạo cơ hội để học viên tự đánh giá và tham gia kiểm tra - đánh giá lẫn nhau trong học tập.

- Để rèn luyện kĩ thuật tự đánh giá cho học viên, có thể:

+ Trao cho học viên thang điểm, đáp án một số bài tập, câu hỏi nào đó để học viên tự "cho điểm"

+ Làm phiếu tự đánh giá, trong đó trình bày những kiến thức, kĩ năng mà học viên cần nắm và mức độ học viên đạt được các kiến thức, kĩ năng ấy; hướng dẫn học viên ghi lại mức độ đạt được từng kiến thức, kĩ năng.

+ Tổ chức cho học viên làm bản "tự kiểm điểm" vào cuối học kì, năm học, khoá học; giúp học viên xem xét kết quả học tập của mình.

+ Tổ chức các buổi trao đổi, thảo luận góp ý kiến giữa các học viên, đánh giá lẫn nhau, giúp nhau cùng tiến bộ.

+ KT-ĐG dạy học không chỉ dừng ở các câu hỏi tái hiện kiến thức, mà còn cần kích thích tư duy sáng tạo, rèn luyện kĩ năng phát hiện và giải quyết vấn đề, coi trọng câu hỏi yêu cầu cao về vận dụng kiến thức, phát triển năng lực nhận thức: phân tích, tổng hợp, hệ thống hoá, khái quát hoá, so sánh...

c. Sử dụng các phương pháp trắc nghiệm khách quan trong KT-ĐG dạy học

- Cần kết hợp KT-ĐG dạy học bằng trắc nghiệm tự luận với trắc nghiệm khách quan, để nâng cao tính khách quan trong KT-ĐG và góp phần nâng cao chất lượng và hiệu quả dạy học.

- Cần sử dụng nhiều loại trắc nghiệm khách quan: trắc nghiệm đúng sai, trắc nghiệm nhiều lựa chọn; trắc nghiệm điền khuyết, trắc nghiệm ghép đôi, trắc nghiệm điền giải ngắn.

- Khi soạn một bài trắc nghiệm để đánh giá thành quả học tập cần lưu ý:

+ Xác định mục đích của bài trắc nghiệm

+ Xác định cấu trúc nội dung bài trắc nghiệm

+ Viết câu hỏi trắc nghiệm (theo kĩ thuật và quy trình riêng)

- Để đảm bảo trắc nghiệm có hiệu quả cao, hệ thống câu hỏi trắc nghiệm phải đảm bảo các yêu cầu: tính đầy đủ của nội dung dạy học, tính hiện đại, tính hệ thống, tính mở rộng... Mặt khác hệ thống câu hỏi phải có tác dụng phát triển trí tuệ, bồi dưỡng và rèn luyện phương pháp học tập, phương pháp tự duy độc lập sáng tạo của học viên.

d. Đổi mới kiểm tra, thi, làm tiểu luận

- Đổi mới khâu kiểm tra, thi:

+ Đổi mới nội dung ôn tập: nội dung ôn tập không được giới hạn như trước đây. Giảng viên không phụ đạo, tổng kết sẵn cho học viên mà hướng dẫn để học viên tự xây dựng để cương ôn tập chi tiết theo hướng hệ thống hoá lí luận, giải quyết tình huống và vận dụng vào thực tiễn quản lí.

+ Đổi mới khâu ra đề kiểm tra, thi: xây dựng ngân hàng câu hỏi, làm các bộ đề kiểm tra, thi dưới nhiều hình thức: tự luận, trắc nghiệm khách quan kết hợp với tự luận, vấn đáp cho các học phần. Chọn hình thức kiểm tra, thi và các câu hỏi, đề trọng bộ đề một cách ngẫu nhiên (bốc thăm); điểm cho nội dung vận dụng tri thức chiếm 1/3 tổng số điểm; giảm các khâu trung gian lưu giữ đề kiểm tra, thi để tăng cường bảo mật.

Đồng thời cũng có thể ra đề kiểm tra, thi dạng tổng hợp, phân tích, nội dung cho phép



học viên được mở tài liệu khi làm bài.

+ Tổ chức kiểm tra, thi và coi kiểm tra, thi nghiêm túc: nhà trường quản trịệt cho học viên, giảng viên, nhà quản lí và các tổ chức có liên quan thực hiện đúng quy định về kiểm tra, thi, đồng thời xử lí nghiêm khắc đối với giảng viên, học viên vi phạm quy chế kiểm tra, thi.

+ Khâu chấm kiểm tra, thi: rọc phách và tổ chức chấm kiểm tra thi nghiêm túc, chấm hai vòng; đánh giá đúng, khách quan đối với kết quả học tập thực của học viên; kiểm tra lại kết quả chấm bài của nhà quản lí bộ môn, khoa, trường.

- *Đổi mới cách làm tiểu luận:*

+ Khuyến khích học viên làm tiểu luận theo các học phần, có tác dụng:

* Giúp học viên hệ thống hoá các vấn đề đã học

* Biết thu thập thông tin và tham khảo các tài liệu

* Biết trình bày một văn bản khoa học theo những luận đề với những luận cứ và luận chứng khoa học, thực tiễn và có sức thuyết phục.

+ Làm tiểu luận cuối khoá cần được tổ chức theo yêu cầu chặt chẽ:

* Học viên chọn đề tài theo hai hướng: Chỉ định của trường hoặc tự chọn của học viên. Đề tài tiểu luận cần đưa ra sớm để học viên chọn và chuẩn bị.

* Phải có giảng viên hướng dẫn

* Cấu trúc tiểu luận cần theo quy định chung

* Đảm bảo yêu cầu về nội dung và hình thức của một tiểu luận khoa học

* Chấm tiểu luận hai vòng, đảm bảo tính khách quan, nghiêm túc

* Tiểu luận nào đạt điểm cao qua hai vòng chấm, cần tu sửa, bổ sung, nâng cấp để trình bày ở Hội đồng chấm, đánh giá tiểu luận của trường.

e. Tăng cường công tác quản lí nhằm đổi mới KT-ĐG dạy học

- *Kế hoạch hoá việc KT-ĐG dạy học:*

+ Nhà trường phối hợp với các bộ môn lập được kế hoạch chi tiết các bài kiểm tra của từng học phần, cả năm, cả khoá học để giảng viên và học viên chủ động thực hiện.

+ Kế hoạch hoá KT-ĐG dạy học thường được tiến hành qua các bước:

* Thu thập và xử lí thông tin làm căn cứ cho việc xây dựng kế hoạch

* Xác định mục tiêu và quyết định các giải pháp thực hiện

* Soạn thảo kế hoạch

* Xây dựng hệ thống các tiêu chuẩn cơ bản để quản lí kế hoạch KT-ĐG trên hai đối tượng:

* Yêu cầu giảng viên thực hiện KT-ĐG theo đúng quy định

* Bài kiểm tra, thi cần đảm bảo các yêu cầu sau đây đối với học viên: hiểu bài, làm được bài trong các tình huống tương tự hoặc đã biến đổi, bài làm mang tính sáng tạo, biết vận dụng.

- *Tổ chức quản lí KT-ĐG dạy học:*

* Sắp xếp đội ngũ giảng viên; xác định rõ chức năng nhiệm vụ, quyền hạn; nâng cao trình độ nhận thức và nghiệp vụ KT-ĐG cho họ.

* Đưa kế hoạch KT-ĐG đến giảng viên, học viên.

* Tổ chức tốt hoạt động phối hợp giữa nhà trường với các bộ môn và giảng viên trong KT-ĐG.

* Tạo điều kiện thuận lợi về tinh thần, tâm lí, vật chất cho giảng viên, học viên thực hiện KT-ĐG dạy học có kết quả.

- *Chỉ đạo KT-ĐG dạy học:*

* nắm quyền chỉ huy, điều hành công việc, lãnh đạo, giám sát việc thực hiện, động viên khuyến khích kịp thời.

* Lường trước những khó khăn, trục trặc để có những phương án dự phòng.

- *Kiểm tra của nhà quản lí đối với KT-ĐG dạy học*

Có nhiều hình thức tiến hành kiểm tra, song để kiểm tra đối với việc KT-ĐG dạy học, người quản lí thường tiến hành dưới những hình thức phổ biến sau: kiểm tra sơ bộ, kiểm tra việc thực hiện và kiểm tra tổng kết.

Ngoài các giải pháp nêu trên, còn có thể áp dụng các giải pháp khác nhằm đổi mới KT-ĐG dạy học như:

- Ứng dụng các lí thuyết khoa học như lí thuyết hệ thống, lí thuyết hoạt động, lí thuyết điều khiển, lí thuyết mục tiêu, lí thuyết marketing vào KT-ĐG dạy học.

- Áp dụng công nghệ mới vào KT-ĐG dạy học:

* Xây dựng quy trình công nghệ KT-ĐG dạy học tối ưu

* Ứng dụng máy tính điện tử vào KT-ĐG dạy học.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Luật Giáo dục. NXB Chính trị Quốc gia. Hà Nội, 2005.
2. Bộ GD-ĐT: *Tổng kết Hội thảo "Đổi mới giáo dục đại học Việt Nam - Hội nhập và thách thức - Phát biểu của Bộ trưởng Bộ GD-ĐT Nguyễn Minh Hiền*, Hà Nội, 2004.
3. Lưu Xuân Mới; *Lí luận dạy học đại học*. NXB Giáo dục. Hà Nội, 2000.
4. Lưu Xuân Mới; *Suy nghĩ về đổi mới phương pháp dạy học ở các trường cán bộ quản lí GD-ĐT*. Tạp chí Phát triển Giáo dục 1/2003.
5. Lưu Xuân Mới; *Đổi mới kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của học viên cán bộ quản lí giáo dục ở trường CBQL GD-ĐT*. Tạp chí Phát triển Giáo dục số 7/2004.

SUMMARY

The author introduces the necessity of renovation of testing and evaluation of teaching and solutions for the renovation.



VỀ TRƯỜNG CAO ĐẲNG - ĐẠI HỌC CỘNG ĐỒNG VÀ KHẢ NĂNG VẬN DỤNG Ở NƯỚC TA

• **THS. PHẠM HỮU NGÀI**

Trường Cao đẳng cộng đồng Đống Tháp

Trường cao đẳng và đại học cộng đồng (ĐHCĐ) được coi là sản phẩm đặc thù của nền GD Hoa Kỳ. Loại hình trường này ra đời đầu tiên ở Hoa Kỳ vào đầu thế kỉ XX, sau Thế chiến thứ hai phát triển mạnh không chỉ ở Hoa Kỳ mà còn ở nhiều nước khác trên thế giới, đặc biệt là ở các nước phát triển như Pháp, Canada, Nhật Bản, Hàn Quốc, . . . với hình thức đào tạo 2 năm.

Ở miền Nam Việt Nam, trước năm 1975, một số trường ĐHCĐ đã được thành lập: ĐHCĐ Nha Trang (1971), ĐHCĐ Đà Nẵng (1974) và ĐHCĐ Mỹ Tho (1974). Nhưng từ khi đất nước thống nhất, các trường ĐHCĐ này bị xóa bỏ. Mãi đến cuối những năm 90 của thế kỉ XX, theo đề nghị của nhiều địa phương, Bộ GD - ĐT mới cho phép một số tỉnh, thành phố thành lập trường Cao đẳng cộng đồng (CĐCĐ). Chẳng hạn: CĐCĐ Hải Phòng, CĐCĐ Tiền Giang, . . . Hiện nay, tính đến năm 2005, ở vùng đồng bằng sông Cửu Long có 5 trường CĐCĐ. Theo chúng tôi được biết, một số tỉnh, thành đang xúc tiến thành lập trường CĐCĐ của địa phương mình. Trong khi đó, một số tỉnh, thành khác đang đắn đo: Có nên mở trường CĐCĐ hay không? Liệu hệ thống trường CĐCĐ mở ra thì sẽ phát triển đến đâu? Nó tồn tại như thế nào trong mối quan hệ với hệ thống trường CĐ và ĐH hiện có? Ở bài viết này, chúng tôi cố gắng giải đáp một phần vấn đề đặt ra.

1. QUÁ TRÌNH RA ĐỜI VÀ PHÁT TRIỂN CỦA HỆ THỐNG TRƯỜNG ĐHCĐ TRÊN THẾ GIỚI.

1. Lịch sử hình thành và phát triển hệ thống trường ĐHCĐ ghi nhận: Cha đẻ của hệ thống trường ĐHCĐ Hoa Kỳ là William Rainey Happer, Viện trưởng Viện Đại học Chicago (1891). W. R. Happer nhận thấy đại học 4 năm có phần cứng nhắc, không đáp ứng nhu cầu nhân lực về khoa học kĩ thuật (KHKT) của các địa phương và nhu cầu nâng cao trình độ KHKT của người dân. Vì thế, ông vận động chính quyền bang Illinois cho thành lập trường đại học 2 năm. Năm 1901 trường Joliet Junior College ra đời. Đây là trường ĐHCĐ công lập đầu tiên và lâu đời nhất của Hoa Kỳ. Nhưng phải hơn 40 năm sau, tức sau Thế chiến thứ hai, uỷ ban Truman mới chính thức chủ trương xây dựng mạng lưới trường ĐHCĐ. Tuy nhiên, số phận của các trường ĐHCĐ Mỹ cũng khá long đong. Phải hơn

20 năm sau (từ 1960-1970), hệ thống trường ĐHCĐ Hoa Kỳ mới thực sự phát triển và được triển khai đại trà. Theo số liệu thống kê đến năm 1998, ở Hoa Kỳ có 4.064 tổ chức đào tạo cao đẳng và đại học, trong đó có 1727 trường ĐHCĐ (có 652 trường ĐHCĐ tư nhân). Trường đại học, cao đẳng Hoa Kỳ có cả hai loại hình trường công và trường tư, với thời gian đào tạo 2 năm hoặc 4 năm và có nhiều tên gọi khác nhau: trường ĐHCĐ, trường ĐH Kĩ thuật, trường CĐCĐ. Trường CĐCĐ, như tên gọi của nó, chủ yếu phục vụ cho một vùng, một cộng đồng nào đó, thông thường các trường CĐCĐ có 4 loại chương trình đào tạo:

1/ Các chương trình chuyển đổi: Các sinh viên (SV) có thể hoàn tất 2 năm học đầu về khoa học xã hội và nhân văn hay về một ngành nghề chuyên môn và sau đó chuyển tiếp lên đại học 4 năm để hoàn tất bằng cử nhân (baccalaureate degree).

2/ Các chương trình phát triển hay hoàn thiện: Các chương trình hoàn thiện được thiết kế dành cho các SV đã gián đoạn việc học trong nhiều năm, cần nắm lại những kiến thức cơ bản, và có một giai đoạn chuyển tiếp để có thể thích nghi với cách học ở bậc đại học hay nâng cao năng lực làm việc trong nghề nghiệp.

3/ Các chương trình GD thường xuyên và dành cho người lớn: Những chương trình này thông thường không cấp tín chỉ mà chỉ tập trung vào những yêu cầu phát triển nghề nghiệp hay những môn học thuộc về năng khiếu, sở thích, văn hóa hoặc phục vụ lĩnh vực giải trí.

4/ Các chương trình dạy nghề, kĩ thuật: Khoảng 60% số SV của các trường đại học 2 năm tham dự các chương trình lấy chứng chỉ hoặc các chương trình khác giúp họ tìm được việc làm, nâng cao kĩ năng làm việc, và để thích nghi dễ dàng với những thay đổi trong công việc.

2. Từ những thành công của hệ thống trường ĐHCĐ Hoa Kỳ, một loạt nước như Canada, Pháp, Nhật Bản, Hàn Quốc, Đài Loan đã phát triển loại hình đào tạo này. Chẳng hạn: Đến năm 1970 ở Canada có 140 trường ĐHCĐ và 700 khu trường sở đào tạo theo hướng của ĐHCĐ ở 12 tỉnh của cả nước. Ở Hàn Quốc, hệ thống GD đại học có 4 loại trường, trong đó các trường Chonmun Taehak (ĐHCĐ) có tới 117 trường (chỉ có 16 trường công lập).